



**SEAPRODEX**

**BÁO CÁO** | **2017**  
**THƯỜNG NIÊN**

**NỘI DUNG BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

---

**03 GIỚI THIỆU SEAPRODEX**

---

- 03 Thông tin chung về SEAPRODEX
- 04 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 05 Quá trình hình thành và phát triển của Seaprodex
- 06 Mô hình quản lý
- 07 Mô hình quản trị
- 08 Công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác
- 14 Định hướng phát triển
- 15 Các rủi ro

**16 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

---

- 16 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017
- 18 Tổ chức và nhân sự
- 21 Tình hình hoạt động & tài chính các công ty con, công ty liên kết
- 23 Tình hình tài chính
- 25 Thông tin cổ đông và cổ phần

**27 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- 27 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017
- 27 Đánh giá tình hình tài chính
- 30 Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018

**31 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SEAPRODEX**

---

- 31 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động SEAPRODEX
- 32 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động BTGD
- 32 Định hướng, kế hoạch của Hội đồng quản trị

**33 QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

- 33 Hội đồng quản trị
- 35 Ban Kiểm soát
- 35 Giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BKS và TGD
- 36 Thực hiện quy định về quản trị công ty

**36 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

- 36 Ý kiến của Kiểm toán
- 37 Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán

**38 PHỤ LỤC**

---

- 38 Phụ lục 1

## I - GIỚI THIỆU SEAPRODEX

---

### THÔNG TIN CHUNG VỀ SEAPRODEX

γ Tên giao dịch:	TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CTCP
γ Tên tiếng Anh: CORPORATION	VIETNAM SEAPRODUCTS JOINT STOCK
γ Tên viết tắt:	SEAPRODEX
γ Vốn điều lệ:	1.250.000.000.000 VND
γ Vốn Chủ sở hữu:	1.316.255.140.258 VND
γ Địa chỉ trụ sở chính:	2-4-6 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
γ Mã số doanh nghiệp:	0310475210
γ Chủ tịch HĐQT:	TRẦN MẠNH HOÀI
γ Tổng Giám đốc:	TRẦN TẤN TÂM
γ Điện thoại:	(+84) 8 3829 1924
γ Fax:	(+84) 8 3829 0146
γ Website:	<a href="http://www.seaprodex.com">www.seaprodex.com</a> ; <a href="http://www.seaprodex.vn">www.seaprodex.vn</a>
γ Mã cổ phiếu:	SEA
γ Công ty kiểm toán:	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
γ Tổng số cổ phần:	125.000.000 cổ phần
γ Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần

└ **Ngành nghề kinh doanh**

- Chế biến Thủy sản xuất khẩu;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Cơ khí đóng tàu;
- Kinh doanh thương mại;
- Sản xuất công nghiệp khác (thức ăn thủy sản, ...);
- Dịch vụ;
- Lĩnh vực khác.

└ **Địa bàn kinh doanh**

SEAPRODEX có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh, 01 văn phòng đại diện, 02 chi nhánh và hệ thống công ty con, liên kết với phạm vi hoạt động trải dài 05 vùng lãnh thổ:

- Đồng bằng Bắc Bộ (Hà Nội, Hải Phòng);
- Duyên hải Miền Trung (Đà Nẵng);
- Đông Nam bộ (thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu);
- Tây Nam Bộ (Cà Mau);
- Tây Nguyên (Lâm Đồng);

Các cơ sở sản xuất kinh doanh của SEAPRODEX tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn là trung tâm kinh tế và xã hội của các khu vực, có giao thông thuận lợi, kinh tế phát triển, có nguồn nguyên vật liệu dồi dào và chất lượng.

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SEAPRODEX

### Giai đoạn 2001 – 2015: Tái cơ cấu chuyên đổi mô hình hoạt động

Năm 2003, mô hình tổ chức và hoạt động được chuyển đổi thành “Công ty mẹ – con” theo Quyết định số 243/2003/QĐ-TTg ngày 17/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2010, mô hình tổ chức và hoạt động chính thức được đổi tên thành Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (SEAPRODEX) theo Quyết định số 1592/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/6/2010 của Bộ NN và PTNT

Ngày 14/3/2011, SEAPRODEX được tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất: Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, Tổng công ty Hải sản Biển đông và Tổng công ty Thủy sản Hạ Long theo Quyết định 456/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/3/2011 của Bộ NN&PTNT).

Ngày 17/4/2015, chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310745210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thương hiệu SEAPRODEX được công nhận và bảo hộ bởi Tổ chức thế giới về Quyền sở hữu trí tuệ OMPI – Geneve (Thụy Sĩ), EU, Mỹ và khu vực Châu Á.

SEAPRODEX, tiền thân là Công ty Xuất khẩu Hải sản được thành lập theo Quyết định 155/CP ngày 26/6/1978 của Hội đồng Chính phủ, đã có hơn 37 năm hình thành và phát triển, với 03 giai đoạn tiêu biểu:

### Giai đoạn 1978 - 1990: Đơn vị kinh tế tiên phong vận hành quản lý theo cơ chế tự cân đối và trang trải

Với nhiệm vụ kinh tế là thống nhất các đầu mối, đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản trong bối cảnh ngành thủy sản đang vận hành theo cơ chế hành chính bao cấp, SEAPRODEX là đơn vị tiên phong vận hành kinh tế theo cơ chế mới và đạt được thành quả tích cực. Kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục từ 22,1 triệu USD vào năm 1982 đến 115 triệu USD vào năm 1990. Các giải thưởng quốc tế tiêu biểu:

- International Award “Tradition and Prestice 86” – Madrid 11/1986;
- International Award for the Technological Innovation – Munich 10/1987;
- Grand Prix Best Quality and Service – Madrid 4/1988;4/1989;
- Grand Prix International Oscar for Enterprises 1990.

### Giai đoạn 1991 – 2000: Phát triển thành Tổng công ty và vận hành quản lý theo cơ chế thị trường

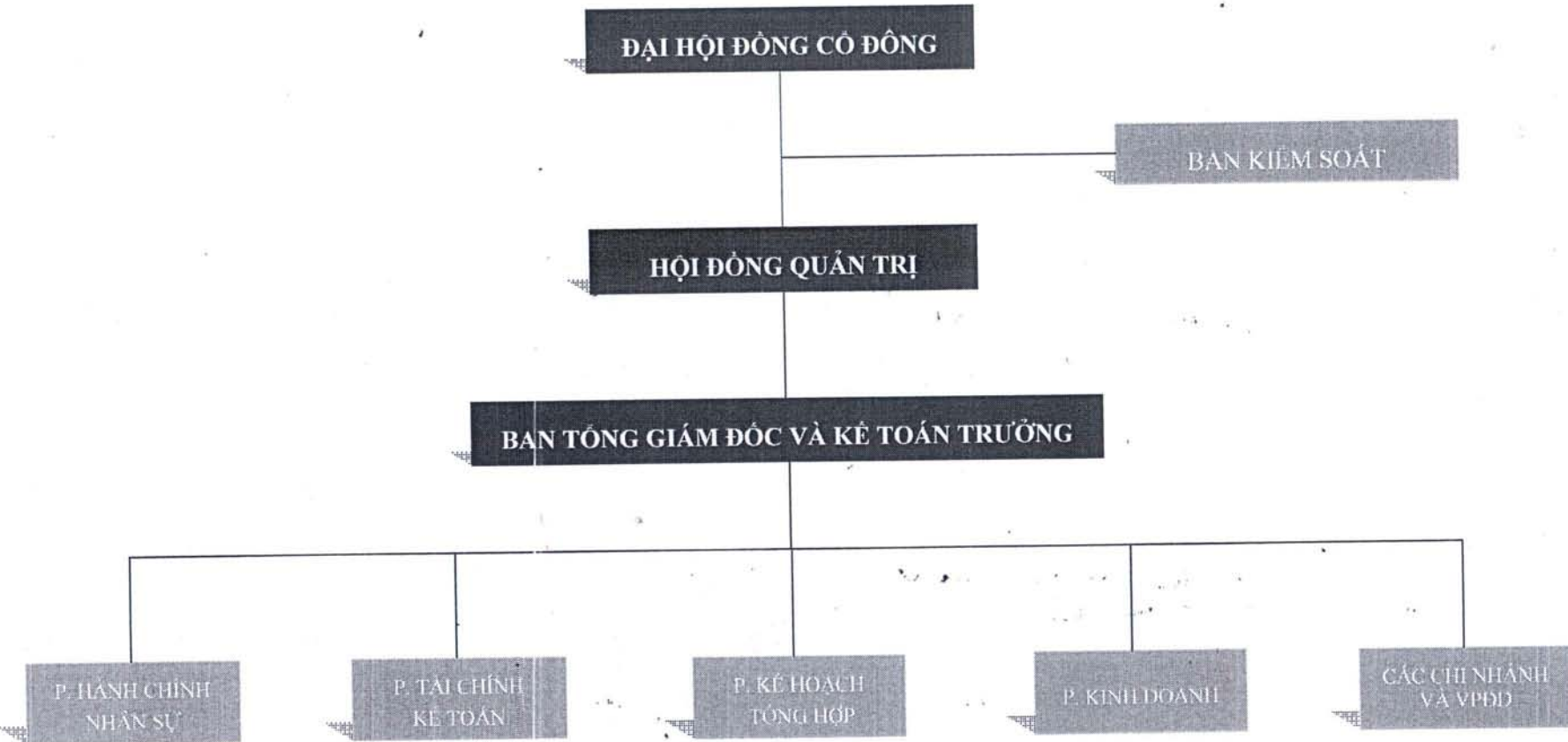
Năm 1995, SEAPRODEX chuyển sang mô hình hoạt động Tổng Công Ty theo theo Quyết định số 909 QĐ/TCCB-LĐ ngày 18/11/1995 của Bộ Thủy sản thành lập Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổng công ty theo Nghị định 90/CP. Tổng số các đơn vị thành viên của SEAPRODEX gần 30 trên khắp cả nước, với 150 triệu USD giá trị xuất khẩu thủy sản, 6.000 tỷ đồng tổng doanh thu và nộp ngân sách nhà nước hàng năm 230 tỷ đồng.

Trong 2 năm 1999 - 2000, SEAPRODEX đã quyết định cổ phần hóa hai Công ty con là Công ty Đồ Hộp Hạ Long và Công ty Kỹ Nghệ Lạnh.

Các giải thưởng tiêu biểu 1991 - 2000:

- Huân chương Độc lập hạng ba do Đảng và Nhà nước trao tặng năm 1998;
- Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2008 (Tạp chí Thương hiệu Việt).

MÔ HÌNH QUẢN LÝ



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

phiếu quỹ: 0,01%

Cổ phiếu quỹ: 0,01%

Nhà nước: 63,38%

Cổ đông khác: 36,61%



SEAPRODEX

## CÁC CÔNG TY CON

CTCP XNK Thủy sản Hà Nội	59,34%
CTCP XNK Thủy sản Năm	50,83%
CTCP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	62,37%

## CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

CTCP XNK Thủy sản Miền Trung	36,4%
CTCP Công nghiệp Thủy sản	49,7%
CTCP Đóng sửa tàu Nhà Bè	26,46%
CTCP Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	20,00%
CTCP Thủy sản số 5	23,59%
CTCP Đồ hộp Hạ Long	27,75%
CTCP Thủy sản số 4	27,08%
CTCP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc	22,08%
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	50,00%

## ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

CTCP Bao bì Thủy sản	8,50%
CTCP Biển Tây	1,78%
CTCP Kỹ thuật Công trình Việt Nam	15,56%
CTCP Thiết bị Hàng Hải	8,00%
CTCP Thủy sản Minh Hải	14,68%
CTCP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà Seaprodex	2,94%
CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	12,78%
CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu	9,995%
CTCP Thủy Đặc Sản	18,00%
CTCP KDXNK Thủy sản	6,00%
CTCP Vật tư Thủy sản VN	17,76%
CTCP SX-TM-DV Phú Mỹ	17,86%

**Công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Tính đến ngày 31/12/2017, Tổng công ty đang đầu tư vốn tại 24 Công ty, trong đó gồm 03 Công ty con, 09 Công ty liên doanh liên kết và 12 Công ty đầu tư tài chính.

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp Tổng công ty		
					Vốn thực góp (đồng)	Vốn mệnh giá (đồng)	%/VĐL
<b>I. CÔNG TY CON</b>							
1	CTCP XNK Thủy Sản Hà Nội	20 Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội	Sản xuất chế biến thủy sản xuất khẩu; kinh doanh vật tư tổng hợp; cho thuê tài sản, văn phòng	100.000.000.000	31.450.200.000	59.340.000.000	59,34
2	CTCP XNK Thủy sản Năm Căn	khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản (tôm sinh thái)	50.000.000.000	79.223.570.400	25.392.170.000	50,83
3	CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	02 Phan Đình Phùng, P.Hạ Lý, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng, Việt Nam	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện đường thủy; kinh doanh khai thác cầu cảng; sản xuất gia công giấy vàng mã xuất khẩu; kinh doanh dịch vụ tổng hợp	56.249.660.000	38.085.190.987	35.082.000.000	62,37
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>148.758.961.387</b>	<b>119.814.170.000</b>	



STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp Tổng công ty		
					Vốn thực góp (đồng)	Vốn mệnh giá (đồng)	%/VDL
<b>II. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT</b>							
1	CTCP XNK Thủy sản Miền Trung	01 Bùi Quốc Hưng, P.Thọ Quang, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng, Việt Nam	Chế biến xuất khẩu thủy sản; kinh doanh vật tư nhập khẩu; sản xuất, kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản; cho thuê kho lạnh	120.000.000.000	10.918.845.000	43.675.380.000	36,4
2	CTCP Công Nghiệp Thủy Sản	244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; kinh doanh, cho thuê cầu cảng, kho bãi	42.000.000.000	4.867.500.000	19.470.000.000	47,9
3	CTCP Đóng sửa tàu Nhà Bè	16/8B Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền; gia công, chế tạo thiết bị cơ khí tàu thuyền	5.000.000.000	2.822.244.376	1.300.500.000	26,46
4	CTCP Dịch vụ Nuôi Trồng Thủy sản Hạ Long	08 Nguyễn Công Hoan, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; kinh doanh xấp lớp nhập khẩu; sản xuất và kinh doanh con giống, vật tư cho nghề nuôi trồng thủy sản	32.000.000.000	7.055.024.691	6.400.000.000	20,00
5	Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nỗ, Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh, chế biến thủy sản	80.000.000.000	4.994.824.935	40.000.000.000	50,00

6	CTCP Thủy sản số 5	Lô A38/II đường số 2, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Q.Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mua bán thủy hải sản; gia công chế biến xuất khẩu thủy sản	29.221.500.000	9.362.396.255	6.930.000.000	22,59
7	CTCP Đồ hộp Hạ Long	71 Lê Lai, P.Máy Chai, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam	Chế biến các mặt hàng thủy sản và các sản phẩm thực phẩm khác; Đóng hộp, chế biến tổng hợp các mặt hàng thủy sản	50.000.000.000	36.071.360.000	13.873.600.000	27,75
8	CTCP Thủy sản số 4	320 Hưng Phú, P.9, Q.8, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu các mặt hàng thủy hải sản (chủ yếu cá tra), nông sản, súc sản	161.606.460.000	39.992.400.000	43.470.000.000	27,08
9	CTCP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất thức ăn gia súc; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất và kinh doanh con giống, vật tư cho nghề nuôi trồng thủy sản	1.582.770.360.000	546.897.499.662	349.450.580.000	22,08
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>662.982.094.919</b>	<b>524.570.060.000</b>	

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp Tổng công ty		
					Vốn thực góp (đồng)	Vốn mệnh giá (đồng)	%/VĐ L
<b>III. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC</b>							
1	CTCP Bao bì Thủy sản	T326 Ấp Tiên Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và mua bán bao bì, giấy, nhựa; Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị ngành bao bì, giấy nhựa	2.000.000.000	148.403.919	170.000.000	8,50
2	CTCP Biển Tây	793/49/1 Trần Xuân Soạn, P.Tân Hưng, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp các nguyên liệu thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản; cung cấp các hóa chất xử lý nước	26.345.910.000	455.000.000	470.020.000	1,78
3	CTCP Kỹ thuật công trình Việt Nam	Số 9 Đường Phạm Văn Đồng, P.Mai Dịch, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội, Việt Nam.	Xây lắp, cơ điện, kỹ nghệ lạnh, xử lý nước thải; tư vấn thiết kế và thi công hệ thống cơ điện các công trình dân dụng và công nghiệp	30.000.000.000	6.505.488.945	4.256.000.000	15,56
4	CTCP Thiết bị Hàng Hải	22-24-26 Mạc Thị Bưởi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Khai thác, cung cấp, xuất khẩu vật tư, thiết bị điện tử, vô tuyến điện cho ngành hàng hải	15.000.000.000	1.307.080.395	1.200.000.000	8,00
5	CTCP Thủy sản Minh Hải	2231 Quốc lộ 1A, xã Tân Phong, huyện Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Nuôi trồng, khai thác, thu mua, sản xuất và chế biến, xuất khẩu thủy sản	80.999.510.000	26.220.102.358	11.893.830.000	14,68

6	CTCP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà Seaprodex	87 Hàm Nghi, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	San lấp mặt bằng, xây dựng nhà ở, xây dựng công trình	68.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2,94
7	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	Lầu 14 tòa nhà VP Centec Tower, số 72-74, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lắp đặt hệ thống xây dựng, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động thiết kế chuyên dụng	243.749.160.000	53.249.400.000	31.140.000.000	12,78
8	CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu	1004 A, Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản; kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản; lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện; kinh doanh bất động sản	104.553.710.000	22.522.500.000	17.708.620.000	9,995

9	CTCP Thủy Đặc Sản	213 Hòa Bình, P.Hòa Thanh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thu mua nguyên liệu thủy hải sản, chế biến và xuất khẩu thực phẩm đóng hộp, gia công xúc xích; kinh doanh bất động sản	108.000.000.000	23.144.531.354	19.440.000.000	18,00
10	CTCP Kinh doanh XNK Thủy sản	03 Nguyễn Văn Cừ, P.1, Q.5, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, bột cá, bột tôm, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh dịch vụ kho bãi mặt bằng	31.500.000.000	1.254.969.616	1.890.000.000	6,00
11	CTCP Vật Tư Thủy Sản Việt Nam	226 Lê Lai, P.Máy Chai, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh XNK vật tư, thiết bị, sắt thép Inox	9.000.000.000	995.940.542	1.598.680.000	17,76
12	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	7/10B Huỳnh Tấn Phát, P.Phú Thuận, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh nước hoa, mua bán hóa chất và phụ tùng trong công nghiệp chế biến (mặt hàng keo và dầu màu)	14.000.000.000	553.333.273	2.500.000.000	17,86
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>138.356.750.402</b>	<b>94.267.150.000</b>	
<b>TỔNG ĐẦU TƯ TẠI CTY CON, LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH</b>					<b>950.097.806.708</b>	<b>738.651.380.000</b>	

## DỰ KIẾN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 7 Mục tiêu chủ yếu

- Giữ vững và tiếp tục phát triển thương hiệu SEAPRODEX tại thị trường thủy sản nội địa và quốc tế.
- Phát triển hiệu quả hệ thống các đơn vị thành viên, trực thuộc, công ty con và tái cơ cấu hợp lý danh mục đầu tư vào công ty liên kết, các Dự án theo Chiến lược của SEAPRODEX.
- Tái cơ cấu mạnh mẽ ngành nghề SEAPRODEX. Kết hợp hài hòa giữa việc tập trung phát triển các sản phẩm chế biến, công nghiệp và dịch vụ có giá trị gia tăng cao với việc mở rộng ngành nghề kinh doanh khác theo hướng hiệu quả và quản trị rủi ro.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vào mục đích phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao lợi nhuận. Đảm bảo lợi ích của cổ đông, quyền lợi và thu nhập cho người lao động. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.
- Mở rộng và xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược, gắn kết với các đối tác trong và ngoài khu vực, quốc tế.

### 7 Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Hưởng ứng, phổ biến rộng rãi các chính sách môi trường do Cơ quan Nhà nước ban hành cho cán bộ nhân viên để thực hiện nghiêm túc và kịp thời các chủ trương, chính sách về môi trường.
- Gắn kết và chia sẻ thành công với cộng đồng, xã hội.

### 7 Chiến lược phát triển theo ngành nghề kinh doanh

#### Ngành kinh doanh

#### Định hướng phát triển

#### I.Chế biến thủy sản xuất khẩu

- Tiếp tục phát triển sản phẩm Tôm sinh thái cỡ lớn và xây dựng vùng nguyên liệu ổn định lâu dài.
- Tập trung giữ vững cơ cấu xuất khẩu vào 02 thị trường chính là EU và Nhật Bản.
- Nghiên cứu tăng tỷ lệ đầu tư vào các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của ngành là Tôm và cá Tra, cá Basa.

#### II-Kinh doanh thương mại

- Quy hoạch lại toàn bộ hoạt động kinh doanh nhập khẩu từ khâu xây dựng kế hoạch kinh doanh, phương thức kinh doanh, thị trường, các chỉ tiêu hiệu quả.
- Nghiên cứu sản phẩm nhập khẩu phục vụ sản xuất nông nghiệp và thủy sản.

#### III-Kinh doanh bất động sản

- Thực hiện cơ cấu các hoạt động kinh doanh khai thác bất động sản thành ngành kinh doanh chính.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác các sản phẩm: văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ, cơ sở sản xuất và quyền sử dụng đất.
- Đa dạng hóa các hình thức quản lý khai thác dự án phù hợp với từng ngành nghề trình độ kinh doanh.
- Khai thác triệt để các lợi thế dự án theo mục đích sử dụng gắn với phát triển các lĩnh vực kinh doanh có giá trị gia tăng cao.
- Ưu tiên các dự án SEAPRODEX trực tiếp đầu tư trên cơ sở phải đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án.

### III-Cơ khí đóng tàu

- Củng cố và tập trung chính vào sản phẩm đóng mới tàu đánh cá vỏ thép hoạt động xa bờ.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án phát triển các ngành nghề liên quan trực tiếp đến ngành nghề kinh doanh chính.
- Giảm dần quy mô đầu tư vào cơ khí đóng tàu và chấm dứt hoạt động kinh doanh vào lĩnh vực này trước năm 2020.

### IV-Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác

- Tổ chức lại sản xuất nuôi cá Tầm thương phẩm theo hướng cơ cấu lại mô hình quản lý theo đặc điểm của nghề nuôi.
- Củng cố, đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển thị trường phục vụ hoạt động đưa người lao động ra làm việc có thời hạn tại nước ngoài. Chú trọng thị trường có nhu cầu lao động trình độ cao.
- Nghiên cứu thị trường, xây dựng chương trình kế hoạch đầu tư phát triển vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Hợp tác đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ y tế và dịch vụ du lịch theo hướng chuyên ngành và chuyên sâu.

### CÁC RỦI RO

- ⌋ Xuất khẩu thủy sản Việt Nam hiện còn đối mặt với nhiều rào cản, như “rào cản kỹ thuật”.
- ⌋ Sản lượng cung cấp thủy sản của thế giới tăng bình quân hiện tại vẫn thấp hơn tăng trưởng của nhu cầu thủy sản. Nhiều khả năng trong tương lai nguồn cung thủy sản toàn cầu sẽ không đáp ứng đủ nhu cầu.
- ⌋ Vấn đề con giống, thức ăn, nuôi trồng đang có nhiều điểm bất cập, ảnh hưởng đến tính ổn định và chất lượng nguồn nguyên liệu.
- ⌋ Dịch bệnh thường xuyên đe dọa tạo ra sự thiếu hụt nguyên liệu cho chế biến, gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp.
- ⌋ Thách thức vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

## II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

#### ⌋ Những thuận lợi, khó khăn; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017, Ngành Thủy sản và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức: Diễn biến thời tiết bất thường, các thị trường nhập khẩu liên tục đưa ra các rào cản, yêu cầu kỹ thuật và cảnh báo khắt khe về kiểm soát an toàn vệ sinh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm... bên cạnh giá mua nguyên liệu tôm nuôi, cá tra và các loại hải sản tăng mạnh do nguồn cung không ổn định trong khi chi phí sản xuất (tiền lương, phí kiểm tra...) đều tăng đã gây áp lực lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả của hầu hết các doanh nghiệp. Tuy vậy, bằng nỗ lực chung của cả Ngành và cộng đồng các doanh nghiệp nên xuất khẩu thủy sản cả năm đạt trên 8,3 tỷ USD, vượt kế hoạch 4% và tăng 19% so với cùng kỳ năm 2016.

Đối với Tổng công ty hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có giới hạn nhất định trong bối cảnh đơn vị chờ Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định việc thoái toàn bộ vốn nhà nước tại Tổng công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 Công ty mẹ:

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH 2017/ KH 2017
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>				
<b>1</b>	<b>Chế biến thủy sản</b>				
1.1	Sản lượng	Tấn			
1.2	Giá trị	tỷ đồng			
<b>2</b>	<b>Nuôi trồng thủy sản</b>				
2.1	Sản lượng	Tấn	96,88	92,10	95,07%
2.2	Giá trị	tỷ đồng	16,14	16,46	101,99%
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	tỷ đồng	184,62	203,17	110,05%
	Trong đó :		93,56	96,68	103,34%
1.1	Doanh số xuất khẩu	tỷ đồng	33,56	10,65	31,74%
1.2	Vật tư nhập khẩu & KD nội địa	tỷ đồng	60,00	86,03	143,38%
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đồng	23,00	28,77	125,07%
<b>3</b>	<b>Nộp ngân sách Nhà nước</b>	tỷ đồng	3,20	9,50	296,97%



└ Ban Điều hành SEAPRODEX

<b>Ông Trần Tấn Tâm</b> <i>Tổng Giám đốc</i>	<b>Ông Nguyễn Văn Tân</b> <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<b>Ông Thái Bá Nam</b> <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<b>Ông Mai Xuân Phong</b> <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<b>Bà Bùi Thị Phương Thảo</b> <i>Kế toán trưởng</i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Sinh năm: 1962</li> <li>■ Cử nhân: tài chính kế toán, kinh tế ngoại thương</li> <li>■ Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ năm 2011</li> <li>■ Được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 23/3/2015.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Sinh năm: 1958</li> <li>■ Kỹ sư Khai thác Hàng Hải – Cử nhân Ngoại thương</li> <li>■ Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ 2011</li> <li>■ Được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 2015</li> <li>■ Kiêm giữ chức vụ: Thành viên HĐQT CTCP XNK Thủy sản Miền Trung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Sinh năm: 1965</li> <li>■ Cử nhân Kinh tế</li> <li>■ Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ 2015</li> <li>■ Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ năm 2015.</li> <li>■ Kiêm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Thủy sản Miền Trung, Thành viên HĐQT CTCP XNK Thủy sản Năm Căn, Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Thủy sản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Sinh năm: 1973</li> <li>■ Thạc sỹ Quản lý Hành chính Công</li> <li>■ Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ 2012</li> <li>■ Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 2015.</li> <li>■ Kiêm giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng, Thành viên HĐQT CTCP Đồ Hộp Hạ Long, TV HĐQT CTCP Công nghiệp Thủy sản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Sinh năm: 1963</li> <li>■ Cử nhân Tài chính kế toán</li> <li>■ Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ 2012.</li> </ul>

└ Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Ban Điều hành (thời điểm 31/12/2017)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Trần Tấn Tâm	1962	Tổng Giám đốc	0	0
2	Nguyễn Văn Tân	1958	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Mai Xuân Phong	1973	Phó Tổng Giám đốc	5.000	0.00
4	Thái Bá Nam	1965	Phó Tổng Giám đốc	0	0
5	Bùi Thị Phương Thảo	1963	Kế toán trưởng	4.600	0.00

## 7 Tình hình nhân sự (31/12/2017)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2017, Tổng số nhân sự của SEAPRODEX là 75 người với cơ cấu như sau:

Phân loại theo trình độ	Số lượng (người)
■ Trên đại học	04
■ Đại học, cao đẳng	43
■ Trung cấp	05
■ Lao động phổ thông	23
<b>Tổng cộng:</b>	<b>75</b>

- Thu nhập bình quân người lao động năm 2017: 9.670.000 VND/tháng

Trong năm qua 2017, SEAPRODEX đã ban hành một số chính sách quan trọng đối với người lao động, cụ thể:

- Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương mới áp dụng trong Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP, áp dụng từ ngày 01/01/2017 và thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định.
- Ban hành Quy chế phân phối tiền lương, thu nhập đối với người quản lý và người lao động Tổng công ty theo Quyết định số 74/QĐ-TSVN-HĐQT ngày 07/7/2017, áp dụng từ ngày 01/7/2017, thay thế Quy chế trước đó áp dụng từ ngày 01/6/2015.
- Nhân sự các Phòng, ban tham mưu tiếp tục được sắp xếp theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt, chất lượng, hiệu quả hơn để phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty; Trong năm nhân sự giảm 26 và tuyển mới 9, việc giải quyết các chế độ chính sách thực hiện đúng quy định, theo hướng có lợi cho người lao động.

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG & TÀI CHÍNH  
CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**  
Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn (%/VĐL)	Kết quả HĐ SXKD năm 2017		Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2017
				Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	
<b>I. CÔNG TY CON</b>						
1	CTCP XNK Thủy Sản Hà Nội	100.000.000.000	59,34	394.383.488.840	19.939.296.424	126.814.107.085
2	CTCP XNK Thủy sản Năm Căn	50.000.000.000	50,83	813.814.089.827	9.243.535.281	79.301.260.378
3	CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	56.249.660.000	62,37	164.270.133.494	(1.923.800.632)	57.682.338.990
<b>II. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT</b>						
1	CTCP XNK Thủy sản Miền Trung	120.000.000.000	36,4	1.008.838.180.254	12.356.690.052	144.092.023.419
2	CTCP Công Nghiệp Thủy Sản	42.000.000.000	47,9	99.697.947.853	(5.326.955.649)	(108.889.470.372)
3	CTCP Đóng sửa tàu Nhà Bè	5.000.000.000	26,32	23.290.650.282	2.237.975.010	13.171.376.065
4	CTCP Dịch vụ Nuôi Trồng Thủy sản Hạ Long	32.000.000.000	20,00	133.607.819.038	1.364.475.532	36.573.020.276
5	Liên doanh Thủy sản Việt Nga	80.000.000.000	50,00	Đang thực hiện các thủ tục để tiến hành giải thể.		
6	CTCP Thủy sản số 5	29.221.500.000	22,59	112.232.906.690	3.366.924.949	44.050.125.935
7	CTCP Đồ hộp Hạ Long	50.000.000.000	27,75	418.363.529.169	5.110.168.890	115.336.761.626
8	CTCP Thủy sản số 4	161.606.460.000	27,08	721.411.117.218	5.119.342.712	270.578.334.967
9	CTCP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	1.582.770.360.000	22,08	13.280.894.296.542	902.600.170.710	5.143.226.326.145
<b>III. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH</b>						
1	CTCP Bao bì Thủy sản	2.000.000.000	8,50	Chưa có BCTC 2017		

2	CTCP Biển Tây	26.345.910.000	1,78	Tạm ngưng hoạt động		
3	CTCP Kỹ thuật công trình Việt Nam	30.000.000.000	15,56	Chưa có BCTC 2017		
4	CTCP Thiết bị Hàng Hải	15.000.000.000	8,00	228.179.554.310	8.880.529.659	32.048.488.653
5	CTCP Thủy sản Minh Hải	80.999.510.000	14,68	1.125.296.592.263	10.062.476.616	201.090.651.376
6	CTCP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà Seaprodex	68.000.000.000	2,94	Tạm ngưng hoạt động		
7	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	243.749.160.000	12,78	1.498.220.505.857	84.598.957.336	481.577.522.359
8	CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu	104.553.710.000	9,995	928.417.205.589	20.838.149.561	265.532.254.094
9	CTCP Thủy Đặc Sản	108.000.000.000	18,00	527.805.030.469	15.234.351.652	114.071.499.650
10	CTCP Kinh doanh XNK Thủy sản	31.500.000.000	6,00	Chưa có BCTC 2017		
11	CTCP Vật Tư Thủy Sản Việt Nam	9.000.000.000	17,76	Chưa có BCTC 2017		
12	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	14.000.000.000	17,86	Chưa có BCTC 2017		

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
**(31/12/2017)**

1. *Tình hình tài chính tại Công ty mẹ*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016 (VNĐ)</b>	<b>Năm 2017 (VNĐ)</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	1.638.675.460.724	1.613.524.658.900	-1,53%
Tổng doanh thu và thu nhập khác	174.928.256.238	203.014.815.632	16,06%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.241.626.510	28.221.144.147	-34,74%
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(11.501.786.391)</b>	<b>545.055.267</b>	<b>104,74%</b>
Lợi nhuận trước thuế	31.739.840.119	28.766.199.414	-9,37%
Lợi nhuận sau thuế	31.739.840.119	28.766.199.414	-9,37%

2. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0.23	0.26
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.21	0.22
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.21	0.18
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.27	0.23
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	12.70	14.99
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.07	0.09
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.29	0.19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.02	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.02	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.39	0.19

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

### Thông tin cổ phần:

Vốn điều lệ	1.250.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Tổng số cổ phần đã phát hành	125.000.000 cổ phần
Cổ phần phổ thông	124.990.500 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	34.000 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	9.500 cổ phần

### ▾ Thông tin cổ đông và cổ phần:

- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu (theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/6/2017): 465 cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	03	121.103.000	96,88
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	0	0	0
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	462	3.887.500	3,11
4	Cổ phiếu quỹ		9.500	0,01
	<b>Tổng:</b>	<b>465</b>	<b>125.000.000</b>	<b>100</b>

- Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu (theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/6/2017): 465 cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông trong nước	461	124.976.400	99,98
	<i>Trong đó</i>			
	Cá nhân	450	2.206.000	1,77
	Tổ chức	10	43.542.400	34,83
	Nhà nước	01	79.228.000	63,38
2	Cổ đông nước ngoài	04	14.100	0.01
3	Cổ phiếu quỹ		9.500	0.01
	<b>Tổng:</b>	<b>465</b>	<b>125.000.000</b>	<b>100</b>

- Danh sách cổ đông lớn từ 10% trở lên thời điểm 31/12/2017 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/6/2017 và công bố thông tin của cổ đông lớn)

STT	Tên tổ chức cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	79.228.000	63,38%
2	Ngô Minh Anh	25.125.000	20,1%
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Anh Tú	16.750.000	13,4%
	<b>Tổng:</b>	<b>121.103.000</b>	<b>96,88%</b>

### III – BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

#### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Tình hình chung của Tổng công ty vẫn tiếp tục ổn định, hoàn thành kế hoạch năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông giao. Công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, tiền lương chặt chẽ gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao.

Tổng doanh thu của Công ty mẹ cả năm là 203,17 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch; tổng chi phí là 174,40 tỷ đồng, bằng 108% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt là 28,77 tỷ đồng, đạt 125% kế hoạch.

Đối với các Công ty con, tổng doanh thu đạt 109% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 151% kế hoạch. Tuy vậy, hoạt động chế biến xuất khẩu thủy sản có đạt được doanh số tốt nhưng hiệu quả chưa thực sự ổn định, rủi ro cao do tình hình thị trường và nguyên liệu có nhiều diễn biến phức tạp; hoạt động cơ khí đóng sửa tàu thuyền thủy sản phục vụ đánh bắt xa bờ trong các tháng cuối năm và dự kiến sang năm 2018 sẽ gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung từ sự cố tàu vỏ thép xảy ra trên nhiều địa phương trên cả nước.

#### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### 7 Tình hình tài sản cố định

- Tổng công ty hạch toán kết chuyển chi phí nhận chuyển nhượng mặt bằng 2-4-6 Đồng Khởi theo Quyết định: 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 theo đó ghi nhận tăng Tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc: 6.611.380.000 đồng và Quyền sử dụng đất: 554.078.000.000 đồng.
- Trong năm Tổng công ty thanh lý 01 xe Toyota Zace không còn sử dụng, hết khấu hao có nguyên giá: 305.171.428 đ và một số tài sản hư hỏng, không cần dùng khác; Tổng lãi thanh lý, nhượng bán tài sản: 127.863.364 đồng.
- Việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo đúng qui định tại thông tư 45/2013/TT-BTC và thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC.

##### 7 Tình hình đầu tư XDCB:

- Giảm chi phí chuyển nhượng mặt bằng 2-4-6 Đồng Khởi theo Quyết định: 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 : 560.689.380.000 do kết chuyển tăng tài sản cố định.

##### 7 Tình hình nợ phải thu

- Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2017 là 33.083.994.204 đồng, chiếm 2,05 % tổng tài sản, trong đó nợ phải thu khó đòi là 5.607.063.957 đồng.
- Trong năm, Tổng công ty đã lập hội đồng thẩm định để xử lý công nợ phải thu khó đòi và trích lập dự phòng là: 5.520.445.594 đồng.



- Việc quản lý nợ phải thu theo đúng qui định quản lý nợ tại nghị định 206/2013/NĐ-CP, trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC và thông tư 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC. Tổng Công ty theo dõi công nợ từng khách hàng, thường xuyên đơn đốc thu hồi nợ, đối với công nợ luân chuyển bình thường, các khách hàng đều xác nhận nợ đầy đủ.
- Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý, Tổng công ty vẫn tiếp tục theo dõi ngoài bảng.

#### 7 Tình hình nợ phải trả

- Tổng số nợ phải trả đến 31/12/2017 là 297.269.518.642 đồng, chiếm 18,42% tổng nguồn vốn. Trong đó chủ yếu là:
  - Vay của Công ty cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 số tiền là: 250.000.000.000 đồng để nộp tiền quyền sử dụng khu đất 2-4-6 Đồng khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.
  - Phải trả người bán : 342.563.182 đồng
  - Phải trả người lao động : 3.200.884.225 đồng
  - Chi phí lãi vay phải trả : 18.403.423.025 đồng
  - Phải trả khác : 25.322.648.210 đồng
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (297.269.518.642/ 1.316.255.140.258): 0,23 lần <3 lần. Đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty nằm trong giới hạn cho phép.
- Đánh giá khả năng thanh toán nợ phải trả thông qua các chỉ tiêu:
  - Khả năng thanh toán hiện thời: 0,26 lần;
  - Khả năng thanh toán nhanh: 0,22 lần.
- Tổng công ty không có công nợ phải trả quá hạn, việc quản lý nợ phải trả theo từng đối tượng, đúng qui định, các đơn vị thực hiện đối chiếu số dư nợ cuối năm.

#### 7 Bảo toàn và phát triển vốn

- Tổng công ty thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn theo quy định, đến 31/12/2017 dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư ra ngoài: 16.307.664.871 đồng, dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi: 5.520.445.594 đồng theo quy định tại thông tư 89/2013/TT-BTC. Sau khi trích đủ các khoản dự phòng, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty vẫn có lãi, được thể hiện thông qua hệ số bảo toàn vốn:

$H = 1.316.255.140.258 / 1.289.075.932.850 = 1,021 > 1$  : Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển vốn .

- Công tác quản lý, sử dụng và phân phối các nguồn lực: Tổng công ty chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý vốn, tài sản được giao. Công ty mẹ hoạt động kinh doanh có lãi, vốn đầu tư được bảo toàn và phát triển.

## CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

### ⌋ Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty đến 31/12/2017 bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, 03 phòng nghiệp vụ, Văn phòng đại diện tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc.

### ⌋ Chính sách, quản lý

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 tổ chức ngày 30/6/2017; Điều lệ hoạt động của SEAPRODEX; HĐQT và Ban điều hành đã ban hành 50 Nghị quyết, quyết định để quản lý, điều hành mọi hoạt động của Tổng công ty có hiệu quả, đúng quy định pháp luật. Hệ thống các quy chế, quy định tại Tổng công ty được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018**

└ Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Công ty mẹ

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	KH 2018/ TH 2017
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>				
<b>1</b>	<b>Chế biến thủy sản</b>				
1.1	Sản lượng	Tấn			
1.2	Giá trị	tỷ đồng			
<b>2</b>	<b>Nuôi trồng thủy sản</b>				
2.1	Sản lượng	Tấn	92,10	117,77	
2.2	Giá trị	tỷ đồng	16,46	20,08	122,00%
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	tỷ đồng	203,17	179,23	88,21%
	Trong đó :		96,68	84,95	87,87%
1.1	Doanh số xuất khẩu	tỷ đồng	10,65	24,95	234,21%
1.2	Vật tư nhập khẩu & KD nội địa	tỷ đồng	86,03	60,00	69,74%
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đồng	28,77	25,20	87,60%

#### IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SEAPRODEX

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA SEAPRODEX

Năm 2017, tình hình chung của Tổng công ty vẫn tiếp tục ổn định, hoàn thành kế hoạch năm do Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy vậy, bên cạnh khó khăn khách quan chung của doanh nghiệp Ngành thủy sản và đối với Tổng công ty còn do tiến độ thoái vốn Nhà nước thực hiện chậm đã ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả của một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh (đầu tư, sản xuất và xuất khẩu thủy sản...). Công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, tiền lương chặt chẽ gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao.

Tổng công ty cũng đã hoàn tất việc xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản pháp lý hành chính và quản trị nội bộ của Công ty cổ phần. Tổng công ty cũng đã thực hiện công bố thông tin; tổ chức niêm yết, giao dịch trên sàn UPCOM và triển khai thủ tục thoái vốn Nhà nước theo đúng tiến độ chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

#### 1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Kết quả năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	184,62	203,17	110%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	161,62	174,40	108%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23,00	28,77	125%

#### 2. Hoạt động đầu tư:

Gồm 02 hoạt động: Đầu tư tài chính và đầu tư phát triển, cụ thể:

##### a. Về đầu tư tài chính:

Tính đến 31/12/2017 Tổng công ty đang đầu tư vốn tại 24 Công ty với tổng giá trị vốn đầu tư là 950,1 tỷ đồng, chiếm 76,01% vốn điều lệ của Tổng công ty, trong đó:

- + Công ty con: 03 Công ty – giá trị đầu tư: 148,76 tỷ đồng
- + Công ty liên kết: 09 Công ty – giá trị đầu tư: 662,98 tỷ đồng
- + Công ty đầu tư tài chính: 12 Công ty – giá trị đầu tư: 138,36 tỷ đồng

Tổng công ty đã ghi nhận mức cổ tức năm 2016, ứng cổ tức 2017 từ các Công ty có vốn đầu tư là 50,84 tỷ đồng, đạt 246,10% kế hoạch. Nguyên nhân vượt cao là do Proconco không có kế hoạch chia cổ tức năm 2017 nhưng đến tháng 12/2017, Công ty Proconco đã thực chia tỷ lệ 8% cho cổ đông (phần Tổng công ty thu về được 27,96 tỷ đồng).

##### b. Về đầu tư phát triển:

Đã hoàn tất hồ sơ, thủ tục xin cấp/ chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số khu đất tại TP. Hồ Chí Minh (Khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi - đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp tiền SDD, trình hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ tại Sở TN-MT; Khu đất số 7 Nơ Trang Long - đầy đủ hồ sơ thủ tục ký quỹ đầu tư). Nhưng tiến độ bị chậm lại do chờ rà soát, điều chỉnh hướng dẫn việc giao, cho thuê đất của Nhà nước. Tổng Công ty đã có văn bản kiến nghị cấp thẩm quyền sớm tháo gỡ khó khăn này.

Tổng Công ty hiện đang tích cực cùng Công ty TNHH Tài Tâm hoàn thiện các thủ tục đầu tư để có thể triển khai dự án số 2 Ngô Gia Tự, quận Long Biên, Hà Nội vào quý 2/2018.

c. Tình hình tái cơ cấu:

Từ tháng 8/2015 đến nay, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và PT NT, trong thời gian chờ thoái vốn nhà nước Tổng Công ty không được tiếp tục cơ cấu, bán vốn đầu tư tại các đơn vị trong khi có nhiều đơn vị hiệu quả thấp, thua lỗ hoặc không phù hợp mục tiêu phát triển của Tổng Công ty hoặc đơn vị có hiệu quả cao nhưng không chia cổ tức ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động chung của Tổng Công ty.

### **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trong năm 2017, hoạt động Tổng công ty gặp nhiều khó khăn do những nguyên nhân khách quan, như: việc tạm dừng thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư tại các công ty con, liên kết và đầu tư dài hạn theo chủ trương của các cơ quan nhà nước, chủ trương thoái vốn đầu tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nên công tác điều hành hoạt động sản xuất của Ban Tổng giám đốc cũng đã chịu ảnh hưởng khá lớn.

Theo số liệu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017, cho thấy mặc dù có những khó khăn như trên nhưng Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực chủ động đề xuất và triển khai thực hiện các chủ trương từ HĐQT, linh hoạt trước những diễn biến của tình hình thực tế phát sinh tại Tổng công ty. Sự phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc luôn được thực hiện chặt chẽ, kịp thời để nắm bắt và xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết:

- + Ban Tổng giám đốc đã triển khai tốt các chủ trương từ HĐQT.
- + Đối với việc ra quyết định trong công tác điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc luôn kịp thời đề xuất tham mưu.
- + Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày, các Thành viên Ban Tổng giám đốc thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tốt, đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, hạn chế tối đa thiệt hại tổn thất cho Tổng công ty và thực hiện báo cáo HĐQT theo quy định

### **KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chỉ đạo triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 trình ĐHCĐ thông qua, tập trung vào các vấn đề trọng yếu sau:

- Tiếp tục tổ chức lại bộ máy các Phòng, Ban, Chi nhánh trực thuộc theo hướng gọn nhẹ, đồng thời định biên, bố trí lại lao động phù hợp bộ máy nhằm tăng hiệu suất làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.

- Nếu được được phép của các cơ quan nhà nước, tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tái cơ cấu vốn đầu tư, tiếp tục thoái vốn theo thẩm quyền đối với các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, có nguy cơ mất vốn cao hoặc có tổng giá trị đầu tư lớn nhưng có kế hoạch không chia cổ tức trong 5 năm từ năm 2015,...

- Đẩy mạnh khai thác và gắn kết hợp lý giữa tổ chức kinh doanh, khai thác đất đai, tài sản với triển khai các Dự án đầu tư, không ảnh hưởng đến tiến độ Dự án và xem xét, nghiên cứu các Dự án, nâng cao hiệu quả hoạt động tại các công ty con.

## V – QUẢN TRỊ CÔNG TY

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 7 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2017)
1	Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 33.275.760 CP (26,62%)
2	Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 30.106.640 CP (24,08%)
3	Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 15.845.600 CP (12,68%)
4	Ông Trương Bảo Kim	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Bổ nhiệm ngày 13/6/2017
5	Ông Phan Văn Anh Vũ	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Bãi nhiệm ngày 22/12/2017

#### 7 Hoạt động Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Có/ Không có lý do vắng
1	Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên	4/4	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	4/4	100%	
4	Ông Trương Bảo Kim	Thành viên	1/2	50%	Bổ nhiệm 13/6/2017, Không lý do vắng
5	Ông Phan Văn Anh Vũ	Thành viên	2/4	50%	Bãi nhiệm 22/12/2017, Có lý do vắng

### 7 Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Các thành viên không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động SEAPRODEX, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và mọi mặt hoạt động của SEAPRODEX.

## BAN KIỂM SOÁT

### 7 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Thành viên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (31/12/2017)
1	Bà Phan Thúy Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Từ nhiệm từ ngày 30/6/2017
2	Ông Trần Phước Thái	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/6/2017 Sở hữu cá nhân: 4.500 CP
3	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	Sở hữu cá nhân: 0 CP
4	Ông Đinh Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/6/2017 Sở hữu cá nhân: 0 CP

### 7 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty;
- Thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của Ban điều hành;
- Giám sát tình hình sử dụng vốn, theo dõi luân chuyển vốn và tài sản của công ty;
- Đề xuất công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam để Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2017;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Tổng công ty.

**GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

⌋ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD

*Xem Phụ lục 1 – Báo cáo Thường niên 2017*

⌋ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ CĐNB	Cổ phần sở hữu đầu kỳ		Cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
1	Trần Tấn Tâm	TV HĐQT kiêm TGD	30.300	0,02	0	0	Bán
2	Nguyễn Văn Tân	TV HĐQT kiêm Phó TGD	10.000	0,01	0	0	Bán
3	Bùi Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	9.700	0,0078	4.600	0,00	Bán
4	Mai Xuân Phong	Phó TGD	6.600	0,00	5.000	0,00	Bán
5	Phan Thúy Anh	Trưởng BKS	13.800	0,011	1.800	0,00	Bán

**THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Thực hiện nghiêm túc và tuân thủ các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Việc công bố thông tin không để xảy ra chậm trễ và thiếu sót.



**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN**

Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện. Báo cáo tài chính được chấp nhận toàn phần. Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu của tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Tổng hợp.

**Tuy nhiên, kiểm toán viên đã có phần nhấn mạnh vấn đề sau:**

Như đã trình bày tại mục 4.11 trong thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn về khoản thu nhập liên quan khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May với tổng giá trị là 15.000.000.000 VND mà Tổng Công ty chưa ghi nhận vào sổ sách kế toán. Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

⌋ Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán: Được đăng tải trên website SEAPRODEX: [www.seaprodex.com](http://www.seaprodex.com).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2018

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Mạnh Hoài**

**PHỤ LỤC 1:**  
**LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2017**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	597,000,000		597,000,000	
2	Trần Tấn Tâm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	506,712,298	84,000,000	590,712,298	
3	Nguyễn Văn Tân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	363,116,284	84,000,000	447,116,284	
4	Phan Văn Anh Vũ	Thành viên HĐQT		77,000,000	77,000,000	Bãi nhiệm từ 22/12/2017
5	Trương Bảo Kim	Thành viên HĐQT		42,000,000	42,000,000	Tham gia từ tháng 7/2017
<b>II</b>	<b>Ban Điều hành</b>					
1	Thái Bá Nam	Phó Tổng giám đốc	382,303,164		382,303,164	
2	Mai Xuân Phong	Phó Tổng giám đốc	260,303,164		260,303,164	Kiểm nhiệm từ tháng 6/2017

3	Bùi Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	326,065,090		326,065,090	
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>					
1	Phan Thúy Anh	Trưởng Ban	147,000,000		147,000,000	Từ nhiệm từ tháng 7/2017
2	Trần Phước Thái	Trưởng Ban	145,000,000		145,000,000	Tham gia từ tháng 7/2017
3	Nguyễn Thành Trung	Thành viên		48,000,000	48,000,000	
4	Đình Nguyễn Quốc Huy	Thành viên		24,000,000	24,000,000	Tham gia từ tháng 7/2017
<b>IV</b>	<b>Tiểu ban Tài chính - Đầu tư</b>					
1	Lê Văn Mạnh	Trưởng Tiểu ban	99,900,000		99,900,000	Thôi nhiệm vụ từ tháng 7/2017
<b>V</b>	<b>Tiểu ban Thư ký - Pháp chế</b>					
1	Trương Quỳnh Giao	Thành viên		8,100,000	8,100,000	Thôi nhiệm vụ từ tháng 7/2017